

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HC-ST
Ngày: 13 - 9 - 2024
V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang;
Ông Cao Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HC ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 3384/2024/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Lê Thị T, sinh năm 1950; hộ khẩu thường trú: Số B, N, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T1 - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B: Ông Võ Thành N - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Huỳnh Thị Thúy A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, đường số D, phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Thúy A (theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023):

Ông Huỳnh Hoàng V, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3.2. Anh Nguyễn Long H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, N, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Long H (theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2024):

Bà Lê Thị T, sinh năm 1950; hộ khẩu thường trú: Số B, N, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3.3. Ông Võ Trọng N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Bà T khiếu kiện quyết định hành chính, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, Bến Tre cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T vào ngày 28/7/2010 đối với phần đất thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ 12, diện tích 145,4m²; tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Huỳnh Hoàng V, bà Nguyễn Thị Á và con của ông V, bà Á là chị Huỳnh Thị Khánh A1.

Năm 2012, chồng bà là ông Nguyễn Văn G chết. Đầu tháng 05/2023, bà muốn thực hiện thủ tục thừa kế cho con trai bà là anh Nguyễn Long H đối với phần đất thuộc thửa 188 nêu trên, nên bà đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đăng ký đo đạc thì được Chi nhánh cho biết:

Thửa đất số 188, tờ bản đồ 12 của ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/7/2010 bị cấp sai vị trí đất, theo hiện trạng sử dụng thực tế thửa 188, tờ bản đồ số 12 là của ông Võ Trọng N1 sử dụng.

Phần đất của bà Lê Thị T đang quản lý, sử dụng nằm trong một phần của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 12 của chị Huỳnh Thị Thúy A được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận vào ngày 23/3/2021.

Đến ngày 01/11/2023, bà nhận được Biên bản về việc đo đạc không thành của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C thì bà mới biết là thửa đất của bà bị cấp sai vị trí. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Vì vậy nay bà T khởi kiện yêu cầu:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 030013, số vào sổ cấp GCN 000089 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T vào ngày 28/7/2010 đối với phần đất thửa 188, tờ bản đồ 12, diện tích 145,4m²; tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 306345, số vào sổ cấp GCN CS03601 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021 đối với phần đất thửa 301, tờ bản đồ 12, diện tích 2.840m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2640m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại văn bản số 5982/STNMT-VPĐK ngày 28/12/2023, người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là Giấy chứng nhận) cho chị Huỳnh Thị Thúy A, thửa đất số 301, tờ bản đồ số 12, có số phát hành CY 306345, số vào sổ cấp GCN: CS03601, tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, ký ngày 23 tháng 3 năm 2021 dựa trên cơ sở:

Về quy định: Căn cứ Điều 75 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, sửa đổi được bổ sung Điều 2 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06

tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Về quy trình: Thực hiện theo Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất thuộc Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc công bố 01 thủ tục hành chính ban hành mới, 30 thủ tục hành chính thay thế và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở T.

- Về giấy tờ hợp pháp:

+ Giấy chứng nhận được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A có số phát hành CX 614428, số vào sổ cấp GCN: CS03521 ngày 27 tháng 10 năm 2020.

+ Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 05 tháng 01 năm 2021.

Việc Sở T cấp Giấy chứng nhận cho chị Huỳnh Thị Thúy A đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 12, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định.

Việc yêu cầu “*hủy*” Giấy chứng nhận đã cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A có số phát hành CY 306345, số vào sổ cấp GCN: CS03601 phải đảm bảo theo quy định tại khoản 7, Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Nếu yêu cầu “*thu hồi*” Giấy chứng nhận đã cấp phải thực hiện đúng theo quy định tại khoản 6, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Việc yêu cầu “*hủy*” Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 030013, số vào sổ cấp GCN: 000089 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T vào ngày 28/7/2010 không thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Từ những cơ sở trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, do trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Huỳnh Thị Thúy A là đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên, không có văn bản nêu ý kiến đối với vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thúy A là ông Huỳnh Hoàng V trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì chị A đồng ý, bởi vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 306345, số vào sổ cấp GCN CS03601 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021 đối với phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ 12, diện tích 2.840m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2.640m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là đã cấp nhầm phần diện tích 145,4m², nay qua đo đạc thực tế có diện tích 152,7m² của bà T vào chung thửa 301 của chị A.

Vì vậy, chị A đồng ý huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 306345, số vào sổ cấp GCN CS03601 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Trọng N1 trình bày:

Ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 145,4m² thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 25/12/2015. Hiện nay, trên phần đất này có ngôi nhà của ông đang sinh sống trên đất. Từ trước đến nay, ông là người quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 188, phía bà Lê Thị T không có quản lý, sử dụng phần đất này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 030013, số vào sổ cấp GCN 000089 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T vào ngày 28/7/2010 đối với phần đất thửa 188, tờ bản đồ 12, diện tích 145,4m², tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 306345, số vào sổ cấp GCN CS03601 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021 đối với phần đất thửa 301, tờ bản đồ 12, diện tích 2.840m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2640m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, Ủy ban nhân dân huyện C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trọng N1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, Ủy ban nhân dân huyện C và ông N1.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Vào tháng 5/2023, bà T yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đo đạc phần đất thuộc thửa đất số 188 thì ngày 01/11/2023 bà T nhận được Biên bản về việc đo đạc không thành thể hiện thửa đất số 188, tờ bản đồ 12 của ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/7/2010 được cấp sai vị trí đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Đến ngày 09/11/2023, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà T. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện 01 năm vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý vụ án hành chính là đúng thẩm quyền.

[4] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính:

[4.1] Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn G vào ngày 28/7/2010:

[4.1.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ngày 28/7/2010, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, ông G đối với diện tích 145,4m², thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai.

[4.1.2] Về trình tự thủ tục và nội dung của quyết định hành chính:

Xét thấy năm 2010, ông G và bà T có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Huỳnh Hoàng V, bà Nguyễn Thị Á và con của ông V, bà Á là chị Huỳnh Thị Khánh A1 phần đất diện tích 145,4m² thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 28/7/2010, bà T, ông G được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2012, ông G chết, đến năm 2023 bà T có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất cho con trai là anh Nguyễn Long H nên bà T yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đo đạc thửa đất. Vào ngày 01/11/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Biên bản về việc đo đạc không thành, lý do: “*đã cấp trùng thửa cho Huỳnh Thị Thúy A thửa 301, tờ 12. Thửa đúng 188, tờ 12 của ông Võ Trọng N1*”, nên Chi nhánh trả lại đơn yêu cầu đo đạc cho bà T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Vào ngày 25/12/2015 ông Võ Trọng N1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 016373, số vào sổ cấp GCN CH 02518 đối với diện tích 145,4m², thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định phần đất này từ trước đến nay đều do ông N1 quản lý, sử dụng. Điều này là phù hợp với nội dung của Biên bản về việc đo đạc không thành ngày 01/11/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, ông G đối với diện tích 145,4m², thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 12 vào năm 2010 là cấp không đúng đối tượng và thực tế sử dụng đất. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T, ông G là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 106 của Luật đất đai năm 2013.

[4.2] Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021:

[4.2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ngày 23/3/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Huỳnh Thị Thúy A đối với diện tích 2.840m² thuộc thửa đất số 301, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[4.2.2] Về trình tự thủ tục và nội dung của quyết định hành chính:

Xét thấy qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế xác định: Phần đất bà T và ông Gia nhận chuyển nhượng của bà Á, ông V, chị Khánh A1 vào năm 2010 do bà T đang quản lý sử dụng, có nhà trên đất từ năm 2010 cho đến nay, qua đo đạc thực tế có diện tích 152,7m² (gồm thửa 301-1 diện tích 13,9m²; 301-2 diện tích 83,7m²; 301-3 diện tích 6,1m²; 301-4 diện tích 13,2m²; 301-5 diện tích 30,6m²; 301-6 diện tích 5,2m²) thuộc một phần thửa đất số 301, tờ bản đồ 12 hiện do chị Huỳnh Thị Thúy A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía chị A cũng thừa nhận phần đất có diện tích 152,7m² thuộc một phần thửa đất số 301 do bà T đang quản lý là phần đất mà gia đình chị A đã chuyển nhượng cho ông G, bà T vào năm 2010, cơ quan nhà nước đã cấp nhầm phần đất có diện tích 152,7m² này vào thửa 301 của chị A nên chị A đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp chị A vào ngày 23/3/2021 để các bên thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận lại theo đúng quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 về đình chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp:

“2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.”

Ngoài ra, tại khoản 6, khoản 7 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 về Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp, quy định:

“.... 6. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.

Trong trường hợp này, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Huỳnh Thị Thúy A được Sở T cấp vào năm 2021 thông qua thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng do một phần thửa đất số 301 cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A không đúng đối tượng và thực tế sử dụng nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

chị Huỳnh Thị Thúy A không đảm bảo theo quy định pháp luật. Vì vậy, việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Huỳnh Thị Thúy A được thực hiện theo khoản 6, 7 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc bà T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/7/2010 cho ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T đối với phần đất thửa 188, tờ bản đồ 12, diện tích 145,4m² và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021 đối với phần đất thửa 301, tờ bản đồ 12, diện tích 2.840m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2640m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền 6.235.000 đồng.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 030013, số vào sổ cấp GCN 000089 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị T vào ngày 28/7/2010 đối với phần đất thửa 188, tờ bản đồ 12, diện tích 145,4m², tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 306345, số vào sổ cấp GCN

CS03601 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho chị Huỳnh Thị Thúy A vào ngày 23/3/2021 đối với phần đất thửa 301, tờ bản đồ 12, diện tích 2.840m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 2640m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền 6.235.000đ (sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang